TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/DS-ST
Ngày: 06/02/2018
"V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội Đồng Xét Xử Sơ Thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Như Tám**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Đạt**

2. Ông **Trương Thanh Giảng**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Nguyễn Thị Thuỷ**– Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Bà ***Nguyễn Thị Cẩm Linh*** *– Kiểm sát viên*

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân Dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2017/TLST-DS, ngày 16 tháng 6 năm 2017 về: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/QĐST - DS, ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959 (có mặt)**

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn K, huyện KL, Kiên Giang

Bị đơn: 1/ Bà **Trần Thị T, sinh năm 1966 (có mặt)**

2/ Ông **Dương P, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt)**

Địa chỉ: Ấp TX, xã D, huyện K L, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2017 và các lời khai tại tòa án bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Giữa bà với bà Trần Thị T là chỗ quen biết, bà T làm nghề ghe biển nên

có hỏi vay tiền để về làm vốn phục vụ cho đánh bắt hải sản, qua đó bà có cho bà T vay tiền hai lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 02/8/2015 vay 70.000.000đ và hứa qua 02 tháng trả, lãi thỏa thuận 1.000.000đ/tháng, tiền lãi mới đóng được hai tháng, việc vay có làm giấy biên nhận nợ, giấy biên nhận do bà viết thay bà T nhưng phần người nhận ký tên có chữ "Trần Thị T" là do bà Tên viết. Số tiền này đến nay bà T và ông P chưa trả tiền gốc cũng như lãi, khi vay bà T có giao cho bà giữ một giấy chứng quyền sử dụng đất mang tên Thị G.

Lần 2: Ngày 01/10/2015 vay thêm 70.000.000đ và hứa hai tháng trả, lãi thỏa thuận 1.000.000đ/tháng, bà T mới đóng tiền lãi 500.000đ sau đó ngưng đóng lãi cũng như không trả tiền gốc, bà T tự viết biên nhận và ký tên giao cho bà giữ.

Cả hai lần vay tiền do bà T trực tiếp vay, ông P không có trực tiếp gặp bà, tiền bà T vay về với mục đích làm ghe biển, nên khi viết biên nhận có ghi tên chồng của bà T là ông Dương P nhưng ông P không có ký tên.

Quá trình giải quyết tại tòa án bà T không thừa nhận số nợ vay 70.000.000đ theo biên nhận ngày 02/8/2015 và cho rằng biên nhận không phải do bà T viết, việc bà viết biên nhận thay cho bà T là do tin tưởng nhau và bà T kêu viết dùm biên nhận. Nay bà T không thừa nhận nên bà có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 70.000.000đ theo biên nhận ngày 02/8/2015. Còn biên nhận ngày 01/10/2015 nợ 70.000.000đ bà T đã thừa nhận thì yêu cầu ông P và bà Tên phải trả cùng với lãi suất 1%/tháng tính từ lúc vay cho tới nay, ngoài ra không yêu cầu gì.

Quá trình giải quyết ghi lời trình bày cũng như tại phiên tòa bà Trần Thị T trình bày: Việc bà Đ trình bày bà vay tiền để phục vụ làm ghe trong gia đình là đúng, còn số tiền vay theo bà Đ trình bày có phần không đúng, cụ thể;

Trước ngày 01/10/2015 khoảng 01 năm bà có vay tiền của bà Đ 50.000.000đ, vay không có làm biên nhận, khi vay bà có giao cho bà Đ một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Thị G giữ, lãi tính 7.500.000đ/tháng, bà đóng lãi nhiều tháng,

hiện không nhớ là bao nhiêu tháng và số tiền đã đóng là bao nhiêu, vì khi trả lãi chỉ có bà với bà Đ ngoài ra không ai khác biết, bà Đ nhận tiền cũng không có làm biên nhận.

Đến giữa năm 2015 bà không còn khả năng trả nợ gốc cũng như lãi, nên ngừng trả kéo dài đến ngày 01/10/2015 bà Đ mới kêu viết biên nhận ghi cả tên chồng là Dương P cùng số tiền nợ vay 70.000.000đ hứa ngày 01/12/2015 trả, nên bà có viết biên nhận và ký tên giao bà Đ giữ, giấy này bà Đ đã gửi Tòa án bà đã được xem qua và thừa nhận là giấy do bà viết và ký tên. Kể từ ngày ký nhận vào giấy giao cho bà Đ tới nay bà không có trả thêm cho bà Đ tiền gốc cũng như tiền lãi.

Như vậy bà thừa nhận chỉ nợ bà Đ số tiền gốc và lãi chưa trả là 70.000.000đ, ngoài ra không còn nợ bất cứ một khoản nào khác. Số tiền nợ này bà xin trả vào tháng 02/2018 (âm lịch), sau khi trả nợ xong đề nghị bà Đ trả lại cho giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Thị G mà bà Đ đang giữ, về phần tiền lãi bà đồng ý trả lãi cho bà Đ từ lúc vay đến nay theo mức lãi 1%/tháng.

Riêng biên nhận đề ngày 02/8/2015 số tiền 70.000.000đ là hoàn toàn không có, bà không có vay số tiền này, biên nhận cũng không phải do bà viết và cũng không có ký tên và viết tên, bà Đ tự ghi số tiền này theo bà nghĩ là tiền lãi từ ngày 01/10/2015 cho đến nay bà chưa đóng.

Theo bản khai ngày 19/7/2017 bị đơn ông Dương P trình bày: Vợ ông là Trần Thị T có hỏi nợ của bà Đ ở B ông hoàn toàn không hay biết và ông cũng không quen biết bà Đ, nay Tòa án thông báo ông mới biết, ông hỏi bà T thì được biết là bà T có nhờ bà Tr mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Thị G đi cầm cho bà Đ để vay số tiền 50.000.000đ. Nay tòa án giải quyết vụ kiện ông hoàn toàn không biết và không liên quan đến vụ kiện này nên ông không đến Tòa án và từ chối tham gia giải quyết vụ kiện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ kiện như sau:

Về tố tụng, việc tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, những người tiến hành tố tụng cũng như những người tham gia tố tụng qua giải quyết vụ án cũng

như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quyền cũng như nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, việc bà Đ có đơn rút lại một phần đơn khởi kiện theo biên nhận ngày 02/8/2015 với số tiền 70.000.000đ là tự nguyện, nên đề nghị đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này. Đối với yêu cầu còn lại 70.000.000đ theo biên nhận ngày 01/10/2015 bà Đ cung cấp, bà T thừa nhận vay để phục vụ cho ghe đánh bắt hải sản và đồng ý trả số nợ này, nên buộc bà T và ông P có nghĩa vụ trả cho bà Đ, đồng thời buộc ông P và bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Đ với bà Trần Thị T, ông Dương P là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên căn cứ vào Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Đ có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện 70.000.000đ theo biên nhận ngày 02/8/2015, việc rút này là tự nguyện và được chấp nhận, căn cứ vào khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này.

[2] Về thủ tục tố tụng, ông Dương P được Tòa án triệu tập và đã có bản khai trình bày ý kiến của mình về vụ án, có ý kiến xin từ chối tham gia giải quyết vụ kiện, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương P theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ kiện, bà Đ khởi kiện yêu cầu bà T, ông Dương P trả số tiền vay 70.000.000đ (kèm theo biên nhận ngày 01/10/2015) và tính lãi 1%/tháng kể từ ngày vay cho tới nay. Trong khi bà T thừa nhận biên nhận do bà viết và ký tên, nhưng cho rằng trước ngày 01/10/2015 chỉ vay 50.000.000đ, lãi 7.500.000đ/tháng và trả lãi nhiều tháng, việc trả không có biên nhận và không có ai biết, sau đó không trả lãi tính đến ngày 01/10/2015 cả gốc và lãi 70.000.000đ nên bà T mới viết biên nhận giao cho

bà Đ giữ, nay bà T đồng ý trả hết số nợ gốc vào tháng 2/2018 âm lịch, về phần lãi đồng ý trả theo yêu cầu của bà Đ 1%/tháng nhưng xin trả chậm khoản tiền lãi này vì không có khả năng trả hết một lần cùng với khoản tiền gốc.

Xét yêu cầu của bà Đ là có cơ sở chấp nhận, bởi bà Đ khởi kiện cung cấp biên nhận nợ và được bà T thừa nhận do bà T viết, ký tên, nên bà T và ông P phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ là phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 463 quy định:*"Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tiền cho bên vay; Khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định"*

Việc bà T và ông P cho rằng chỉ vay có 50.000.000đ và đóng lãi rất nhiều cho bà Đ, nay xin đến tháng 2/2018 âm lịch mới trả nhưng không đưa ra được chứng cứ, chứng minh. Trong khi bà Đ không thừa nhận và không đồng ý cho trả chậm nên không được chấp nhận.

Đối với ông P cho rằng bà T vay tiền ông không biết và không liên quan là không đúng, bởi bà T khai gia đình có ghe biển do các bạn đi ghe ứng tiền nên bà mới hỏi vay tiền của bà Đ cho bạn ứng trước để họ đi ghe nếu không họ sẽ không đi ghe cho gia đình, đến nay những người này còn nợ chưa trả tiền cho bà, từ đó không có tiền trả gốc và lãi cho bà Đ. Cho thấy bà T vay tiền phục vụ ghe biển chung của gia đình thì ông P là chồng cũng phải có trách nhiệm cùng trả cho bà Đ, việc bà Đ khởi kiện ông P đồng bị đơn là đúng pháp luật.

Phần lãi, qua giải quyết bà Đ thừa nhận khoản tiền vay bà T mới trả được 3.500.000đ tiền lãi sau đó không trả gốc và lãi, nay bà chỉ yêu cầu tính lãi 1%/tháng từ lúc vay cho tới nay. Bà T đồng ý trả lãi 1%/tháng theo yêu cầu của bà Đ và được cần trừ khoản tiền lãi bà Đ đã nhận. Cụ thể thời gian từ ngày vay tiền (theo biên nhận đề 01/10/2015) đến ngày 06/02/2018 tính tròn là 28 tháng, số tiền lãi tính như sau: (70.000.000đ x 1%/tháng x 28 tháng) = 19.600.000đ – 3.500.000đ = 16.100.000đ.

Như vậy, bà T và ông P có nghĩa vụ trả cho bà Đ tiền gốc và lãi là 86.100.000đ, trong đó tiền gốc 70.000.000đ, tiền lãi 16.100.000đ.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Đ thừa nhận đang giữ của bà Trần Thị T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Thị G, qua đó bà Đ đồng ý giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà T sau khi án có hiệu lực pháp luật nên ghi nhận việc này.

[4] Về án phí: Bà Đ khởi kiện được chấp nhận nên bà T và ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định (86.100.000đ x 5%) = 4.305.000đ, hoàn trả án phí tạm nộp 3.500.000đ cho bà Đường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 71; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 và các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1/. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc bà Đ xin rút lại một phần đơn khởi kiện 70.000.000đ theo biên nhận ngày 02/8/2015.

2/. Xử buộc bà Trần Thị T và ông Dương P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền **86.100.000đ (Tám mươi sáu triệu một trăm ngàn đồng)**. Trong đó, tiền gốc 70.000.000đ và tiền lãi 16.100.000đ.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phía bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ giao trả lại cho bà Trần Thị T một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 995313 do Ủy Ban Nhân Dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15/01/2008 cho bà Thị G sau khi án có hiệu lực pháp luật.

4/. Về án phí, căn cứ vào các Điều 144, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Buộc bà Trần Thị T và ông Dương P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 4.305.000đ;

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.500.000đ theo Biên lai số 0001712, ngày 13/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

5/. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/02/2018), ông Dương P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành án Dân sự H. KL ;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Như Tám